TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-PT
Ngày: 22/01/2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt**.**

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 401/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Trần Thị T**,** sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-*Bị đơn:*

1. Cao Thị T1 (T1)**,** sinh năm 1968 .

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981(có mặt).

Địa chỉ: 25/1,đường Đ, Khu phố L, Phường E, thành phố M, Tiền Giang.

2. Bùi Văn V,sinh năm 1963(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Cao Thị T1 (T1) và ông Bùi Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,Nguyên đơn Trần Thị T trình bày: Vợ chồng Cao Thị T1, Bùi Văn V làm chủ thảo nhiều dây hụi và vay tiền của bà T. Cụ thể:

***Tiền hụi:**

-Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng khui đầu ngày 12/12/2014 (âm lịch) (nhằm ngày 31/01/2015), gồm 20 phần, bà T tham gia 01 phần và đóng hụi đủ liên tục 19 kỳ khui, đến kỳ thứ 20 bà T hốt hụi chót nhưng bà T1, ông V không giao tiền. dây hụi này bà T1, ông V thiếu bà T số tiền 95.000.000 đồng, bà T đồng ý trừ hoa hồng thảm 2.000.000 đồng.

-Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui đầu ngày 04/4/2015 (âm lịch) (nhằm ngày 21/5/2015 dương lịch). Hụi gồm 20 phần, bà T tham gia một phần và đóng hụi đủ liên tục 15 kỳ khui, sau đó bà T1, ông V tự ý không khui hụi tiếp, nói bể hụi nhưng chưa trả tiền hụi cho bà T. Dây hụi này bà T1, ông V thiếu bà T số tiền 30.000.000 đồng, bà T đồng ý trừ hoa hồng đầu thảo là 800.000 đồng.

-Dây hụi chầu, ngày 04/4/2015 (nhằm ngày 21/5/2015) bà T1 nhận tiền chầu hụi 31.200.000 đồng do bà T đưa. Đến mãn hụ (tức sau 20 tháng), bà T1, ông V sẽ trả cho bà T số tiền 40.000.000 đồng. Đã qua 20 tháng nhưng vợ chồng bà T1, ông V chưa trả lại tiền hụi chầu bà T, bà T đồng ý trừ hoa hồng đầu thỏa 800.000 đồng.

***Tiền vay:** Ngày 06/6/2015 âm lịch (nhằm ngày 21/7/2015) bà T1, ông V vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, giao hẹn khi cần lấy lại vốn bà T báo trước thời gian thì bà T1, ông V sẽ hoàn trả. Bà T1, ông V đóng lãi đủ đến tháng 06/2016 âm lịch thì ngưng. Nhiều lần bà T đến đòi thì bà T1, ông V hẹn lần lựa.

Nay bà T yêu cầu bà T1, ông V phải trả: tiền hụi 161.400.000 đồng, tiền vay 150.000.000 đồng, với tiền vay yêu cầu tính lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ khi bà T1, ông V ngưng đăng lãi suất đến nay. Trả làm một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị T1, ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Bà T có cho bà T1 vay tiền chơi hụi do bà T1 làm chủ thảo với các khoản tiền như sau:

Tiền vay, ngày 06/6/2015 âm lịch nhằm ngày 21/7/2015 bà T1 vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, khi cần lấy lại vốn bà T báo trước một tháng. Bà T1 đóng lãi được mấy tháng thì ngưng (đã quên), đóng lãi bằng cách trừ qua tiền hụi bà T phải đóng. Đến nay bà T1 chưa trả vốn cho bà T.

Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng khui đầu ngày 12/12/2014 âm lịch, gồm 20 phần, bà T tham gia 01 phần và đóng được 19 tháng hụi, mỗi lần đóng hụi sống là 3.900.000 đồng (trừ tiền lãi của tiền vay là 3.000.000 đồng, bà T chỉ đóng 900.000 đồng). Như vậy, tổng 19 lần bà T đóng hụi sống là 17.100.00 đồng. Bà T1 chưa giao, trra tiền hụi dây này cho bà T.

Hụi 2.000.000 đồng bà T tham gia 01 phần hụi tháng và chầu 01 phần.

- Hụi khui hàng tháng: Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui đầu ngày 04/4/2015 bà T tham gia 01 phần, đóng được 15 lần khui với giá 1.600.000 đồng mỗi phần. Dây hụi này bà T đóng cho bà T1 số tiền 24.000.000 đồng. bà T1 chưa trả tiền dây hụi này cho bà T.

Hụi chầu: Bà T tham gia 01 phần hụi chầu, khui đầu ngày 04/4/2015 gồm 20 phần, với giá 1.600.000 đồng mỗi phần, thành tiền 32.000.000 đồng, trừ tiền cò (hoa hồng thảo hụi) 800.000 đồng. Bà T1 nhận 31.200.000 đồng do bà T đóng, thỏa thuận tính từ 04/4/2015 âm lịch đến 20 tháng bà T1 phải trả cho bà T 40.000.000 đồng. Bà T1 chưa trả tiền dây hụi chầu này cho bà T. bà T1 đồng ý trả vốn tiền vay và vốn gốc đóng vô của tiền hụi cho bà T, xin được trả dần, xin không phải trả lãi. bà T1 trả nợ cho bà T, ông V không liên quan.

Bị đơn ông Bùi Văn V trình bày; Tham gia hụi và giao dịch vay tiền giữa bà T1 (vợ ông V) và bà T, ông V không biết cụ thể. Ông V là người đi nhận tiền, góp hụi về đưa lại bà T1. Ông V không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, 466, 471, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T.

Buộc bà Cao Thị T1 (T1) và ông Bùi Văn V liên đới trả cho bà T số tiền 324.861.000 đồng (ba trăm hai mươi bốn triệu T trăm mười sáu nghìn đồng), sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/10/2017, bị đơn bà Cao Thị T1 (T1) và ông Bùi Văn V có đơn kháng cáo với nội dung: Ông V không đồng ý liên đới cùng bà T1 trả tiền nợ hụi và tiền vay cho bà T; bà T1 chỉ đồng ý trả cho bà T 150.000.000 đồng tiền vay, chỉ đòng ý trả 66.300.000 đồng tiền nợ hụi, không đồng ý trả các khoản lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo Cao Thị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành

đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm , bà Trần Thị T và đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị T1 đã thỏa thuận được số tiền nợ phải trả, đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận và căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự , sửa một phần bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị T1, ông Bùi Văn V, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với ông Bùi Văn V đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông V bị coi như từ bỏ quyền kháng cáo, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông V, đồng thời xét xử vụ án vắng mặt ông V theo qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung :Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị T cùng đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị T1 trình bày thống nhất như sau: Bà Cao Thị T1 là chủ thảo hụi , bà T là hụi viên có tham chơi hụi của bà T1 và cho bà T1 vay tiền bao gồm:

-Hụi tháng 5.000.000đồng/tháng khui ngày 12/12/2014 âm lịch gồm 20 phần, bà T tham gia 01 phần đóng được 19 kỳ hụi sống , đến kỳ 20 thì bà T hốt hụi, nhưng bà T1 không giao hụi.

-Hụi tháng 2.000.000đồng/tháng khui ngày 04/4/2014 âm lịch gồm 20 phần ,bà T tham gia 01 phần đóng được 15 kỳ hụi sống thì bà T1 tuyên bố ngưng hụi.

-Hụi chầu (mua bán hụi): Bà T1 làm chủ thảo hụi 2.000.000đồng/phần gồm 20 phần, ngày 04/4/2014 âm lịch bà T1 thỏa thuận bán cho bà T 01 dây hụi với số tiền 31.200.000đồng, đến kỳ mãn hụi thì Bà T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 40.000.000đồng.

-Tiền vay: Vào ngày 06/6/2015 âm lịch bà T có cho bà T1 vay số tiền 150.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng . Sau khi vay thì bà T1 có trả lãi mỗi tháng 3.000.000đồng đến tháng 06 năm 2016 âm lịch thì ngưng. Bà T lấy 3.000.000đồng tiền lãi hàng tháng và bù thêm 900.000đồng mỗi tháng để đóng tiền hụi sống của dây hụi 5.000.000đồng cho bà T1.

Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T1 phải có trách nhiệm trả bao gồm: tiền hụi , tiền vay và tính lãi tiền vay theo qui định của pháp luật từ ngày 21/8/2016 (ngày ngưng trả lãi) đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2017). Riêng đối với số tiền chầu hụi (mua hụi) thì bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền 31.200.000đồng và tính lãi phát sinh theo lãi suất cơ bản của ngân hàng từ ngày giao tiền (04/04/2015 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm; bà Cao Thị T1 cũng thừa nhận nợ tiền hụi , tiền vay và tiền chầu hụi của bà T, nhưng đề nghị trả tiền hụi theo cách bà T thực tế đóng tiền hụi sống và mua hụi, đối với tiền vay thì xin trả vốn

150.000.000đồng. Ông V thì cho rằng việc giao dịch nợ tiền giữa bà T1 và và T thì do bà T1 thực hiện,ông không đồng ý liên đới cùng bà T1 trả nợ cho bà T nên phát sinh tranh chấp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Trần Thị T và đại diện theo ủy quyền của Cao Thị T1 cùng thỏa thuận số tiền nợ phải trả như sau :

-Đối với phần tiền hụi 5.000.000đồng/tháng khui ngày 12/12/2014 âm lịch gồm 20 phần, bà T tham gia 01 phần đóng được 19 kỳ hụi sống. Bà T đồng ý cho bà T1 trả 74.100.000đồng.

-Đối với phần hụi tháng 2.000.000đồng / tháng khui ngày 04/4/2014 âm lịch gồm 20 phần, bà T tham gia 01 phần đóng được 15 kỳ hụi sống thì bà T đồng ý cho bà T1 trả 29.200.000đồng .

-Đối với phần hụi chầu (mua hụi): Bà T1 làm chủ thảo hụi 2.000.000đồng/ phần gồm 20 phần, ngày 04/4/2014 âm lịch bà T1 thỏa thuận bán cho bà T 01 dây hụi với số tiền 31.200.000đồng. Bà T đồng ý cho bà T1 trả 31.200.000đồng.

Như vậy đối với phần nợ hụi, bà T1 có trách nhiệm trả cho bà T: 74.100.000đồng + 29.200.000đồng + 31.200.000đồng = 134.500.000đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật và có lợi cho bà T1 nên được ghi nhận.

[4] Đối với phần tiền vay 150.000.000đồng bà T yêu cầu trả vốn và tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng từ lúc vay đến ngày xét xử sơ thẩm,bà T không đồng ý bỏ tiền lãi. Xét nội dung bản án sơ thẩm buộc vợ chồng bà T1 có trách nhiệm trả 150.000.000đồng vốn vay và lãi phát sinh là 14.887.500đồng, số tiền này được tính theo mức lãi suất 9%/năm với thời gian 13 tháng 07 ngày là đúng qui định của pháp luật. Bà T1 cũng không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Bà T không đồng ý bỏ tính lãi nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1 về việc không tính tiền lãi phát sinh của số tiền 150.000.000đồng.

[5]Đối với trách nhiệm liên đới trả nợ: Ông V có kháng cáo nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xem như ông V từ bỏ kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông V. Bà T1 kháng cáo đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ cho bà T, bà T không đồng ý theo yêu cầu của bà T1, đề nghị vợ chồng bà T1 cùng có trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, số tiền bà T1 nợ bà T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T1 và ông V, trong thời gian giao dịch tiền vay và tiền hụi thì ông V cũng tham gia đi góp hụi cho bà T1. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bà T1 cho rằng, mọi việc chi tiêu chính trong gia đình đều do bà T1 đảm nhận. Cho nên, có cơ sở xác định số tiền bà T1 nợ bà T dùng để chi tiêu chung trong gia đình bà T1, ông V. Ông V phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T1 trả nợ cho bà T. Xét nội dung án sơ thẩm buộc Bà T1 cùng ông V liên đới trả nợ là có căn cứ đúng qui định của pháp luật.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, xét nội dung kháng cáo của bà T1 là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa

phúc thẩm, bà T và đại diện theo ủy quyền của bà T1 thỏa thuận được số tiền phải trả của dây hụi 5.000.000đồng chỉ phải trả số tiền thực đóng và dây hụi chầu (2.000.000đồng)chỉ trả số tiền 31.200.000đồng. Việc thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, đúng qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét lời đề nghị của Vị Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]Về án phí phúc thẩm: Bà T1, ông V phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016.

-Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn V.

-Công nhận sự thỏa thuận của bà T và đại diện hợp pháp của bà T1 tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 471, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T.

-Buộc bà Cao Thị T1 (T1) và ông Bùi Văn V liên đới trả cho bà T số tiền 299.387.500 đồng (gồm 134.500.000đồng tiền nợ hụi và hụi chầu, 164.887.500đồng tiền vay và lãi phát sinh của số tiền vay 150.000.000đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

-Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T1, ông V chậm thi hành án thì còn phải chịu thêm lãi suất với mức lãi suất theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí: Bà Cao Thị T1 (T1) và ông Bùi Văn V liên đới phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm và 14.969.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do bà T1 nộp theo biên lai thu số 07585 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án huyện Cái Bè, Tiền Giang, xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm, nên phải nộp tiếp 14.969.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 7.875.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07209 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 09giờ ngày 22/01/2018./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh TG;
- TAND huyện Cái Bè;
- THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt